

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 27/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh và ông Lê Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 23/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, đối với:

Bị cáo: *Nguyễn Văn T, sinh năm 2001*; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT: thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L và con bà Nguyễn Thị L1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/3/2021, bị Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong bản án ngày 12/10/2022; Bị bắt tạm giam ngày 19/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

Bị hại: Anh Trường Văn K, sinh năm 1998.

HKT: Bản S, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La.

Địa chỉ liên hệ: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mùi Văn B, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La.

Địa chỉ liên hệ: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1977;

2. Anh Đặng Văn H1, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (*Đều vắng mặt*)

3. Anh Phàng A S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T, sinh năm 2001, HKTT: thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, thuê trọ tại nhà anh Đặng Văn H1 sinh năm 1983 ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 20 giờ 30 ngày 24/11/2024, T đeo khẩu trang rồi đi bộ trên đường của thôn Đ xem có ai để tài sản sơ hở thì sẽ trộm cắp để bán lấy tiền. Khi đi đến trước cửa cổng khu phòng trọ của gia đình anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1977, ở thôn Đ, T nhìn thấy tại sân của khu phòng trọ có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển số 26E1-159.51, màu sơn trắng bạc (được xác định là của anh Trường Văn K, sinh năm 1998, nơi thường trú: Bản S, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La), chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát thấy bên trong khu phòng trọ không có ai, T đi vào dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài, rồi nổ máy xe đi về khu trọ của mình. Khi còn cách cổng phòng trọ khoảng 5m, T đỗ xe, mở cốp ra kiểm tra, thì thấy bên trong có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và căn cước công dân đều mang tên anh Trường Văn K. T để giấy tờ vào lại cốp xe rồi đi bộ vào phòng trọ, thay quần áo với mục đích để tránh bị phát hiện. Sau đó, T quay ra điều khiển xe đi tìm cửa hàng để bán, trên đường đi T vứt bỏ căn cước công dân của anh K nhưng không nhớ vị trí cụ thể. T đi đến cửa hàng mua bán xe cũ tại thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (được xác định là của anh Mùi Văn B, sinh năm 1989, HKTT: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La) để bán chiếc xe mô tô cho anh B. Do không biết chiếc xe mà T mang bán là do phạm tội mà có, nên anh B đồng ý mua với giá 12.000.000 đồng. Khi mua xe của T, anh B có làm hợp đồng mua bán, T ký vào phần người bán và giao cho anh B giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nói trên cùng với căn cước công dân của T. Việc mua bán xe giữa T và anh B, có anh Phàng A S, sinh năm 1988, HKTT: thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La chứng kiến. Sau khi bán được xe, T nhờ anh B chở đến ngã tư Phố N, thị xã M rồi thuê xe taxi chở về phòng trọ. Khi anh B trở lại quán, thì anh S mượn xem giấy đăng ký xe mô tô, phát hiện ra chủ xe là người quen nên nghi ngờ T đã trộm cắp xe của anh K mang

bán. Anh B đã nhờ anh S kiểm tra thông tin thì được biết chiếc xe trên là của anh K bị mất tại xã V, huyện V.

Anh K, sau khi bị mất xe mô tô, đến ngày 26/11/2024 mới làm đơn trình báo Công an xã V. Công an xã V đã tiến hành xác minh, rà soát camera an ninh, phát hiện T là người đã trộm cắp chiếc xe của anh K. Ngày 28/11/2024 anh B đã giao nộp chiếc xe mô tô cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe, căn cước công dân của T và hợp đồng mua bán xe cho Công an xã V. Ngày 03/12/2024 Công an xã V đã bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V.

Ngày 04/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nói trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 90/BKL-ĐGTS ngày 11/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận: Giá trị tại thời điểm ngày 24/11/2024 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 26E1-159.51 là 15.000.000 đồng.

Còn T, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 17/12/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định truy tìm đối với T, đến ngày 19/12/2024 T đến Công an xã V để làm việc, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và giao nộp 02 bộ quần áo và 01 đôi dép mà T đã sử dụng tại thời điểm phạm tội. Đối với số tiền bán xe mô tô của anh K, thì T đã tiêu xài cá nhân hết..

Ngày 23/12/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại anh K chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26E1-159.51 cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Anh K không yêu cầu gì đối với việc T đã rút bỏ thẻ căn cước công dân của mình.

Vật chứng, đồ vật đã thu giữ chưa xử lý gồm: 01 áo phông cộc tay màu xám, trên áo có các họa tiết hình bông hoa và chữ VL lồng vào nhau, đã qua sử dụng; 01 quần vải dài màu xám, đã qua sử dụng; 01 áo phông dài tay màu trắng, cổ áo hình tròn, ở trên cánh tay áo bên trái có 03 viền kẻ ngang màu đen, đã qua sử dụng; 01 quần dài màu trắng, trên ống quần bên trái có 03 viền kẻ ngang màu đen, đã qua sử dụng; 01 đôi dép lê, trên quai dép có hình kẻ carô sọc ngang, dọc, đã qua sử dụng. Về trách nhiệm dân sự: Anh B yêu cầu T hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng đã đưa cho T để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 26E1-159.51.

Cáo trạng số 19/CT-VKSVG ngày 23/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/12/2024. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, khoản 1 Điều 589 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; buộc T phải hoàn trả lại cho anh Mùi Văn B số tiền là 12.000.000đồng. Về xử lý vật chứng, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu cho tiêu huỷ: 01 áo phông cộc tay màu xám, 01 quần vải dài màu xám, 01 áo phông dài tay màu trắng, 01 quần phông dài màu trắng và 01 đôi dép lê có đế dép màu đen. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa: Vắng mặt, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ 35 phút ngày 24/11/2024, tại sân nhà trọ của gia đình anh Nguyễn Đình H ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng bạc, biển số 26E1-159.51 của anh Trường Văn K, trị giá 15.000.000đồng, mang bán cho anh M Văn Bình được số tiền 12.000.000đồng, mục đích để tiêu sài các nhu cầu, sau đó bị bắt giữ.

Với hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố Nguyễn Văn T theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 19/CT-VKSVG ngày 23/01/2025 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện ngày 26/3/2021, T đã bị Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù, ngày 26/3/2021, T đã bị Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng T đã chấp hành xong bản án ngày 12/10/2022, đến nay đã đương nhiên được xoá án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do T trộm cắp của anh Trường Văn K là 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng bạc, biển số 26E1-159.51, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu và trả lại cho anh K, anh K không yêu cầu đề nghị gì đối với T nên không đặt ra giải quyết.

Anh Mùi Văn B yêu cầu T phải trả lại cho anh số tiền là 12.000.000đồng do anh đã bỏ ra để mua 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng bạc, biển số 26E1-159.51. Xét thấy, yêu cầu của anh B là chính đáng vì khi mua xe, anh B không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có, anh B không có lỗi nên buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh Mùi Văn B, số tiền là 12.000.000đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, khoản 1 Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 áo phong cộc tay màu xám, 01 quần vải dài màu xám, 01 áo phong dài tay màu trắng, 01 quần phong dài màu trắng và 01 đôi dép lê có đế dép màu đen đã thu giữ của T, là những vật không có giá trị, bản thân T không

lấy lại những tài sản trên mà đề nghị tiêu huỷ nên cần tịch thu cho tiêu huỷ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền T phải trả lại lại cho anh B là $12.000.000đ \times 5\% = 600.000đ$.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- **Tuyên bố:** Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- **Xử phạt:** Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 áo phông cộc tay màu xám, 01 quần vải dài màu xám, 01 áo phông dài tay màu trắng, 01 quần phông dài màu trắng và 01 đôi dép lê có đế dép màu đen.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên)

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, khoản 1 Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho anh Mùi Văn B, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/02/2025). Bị hại (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS, CA, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huân